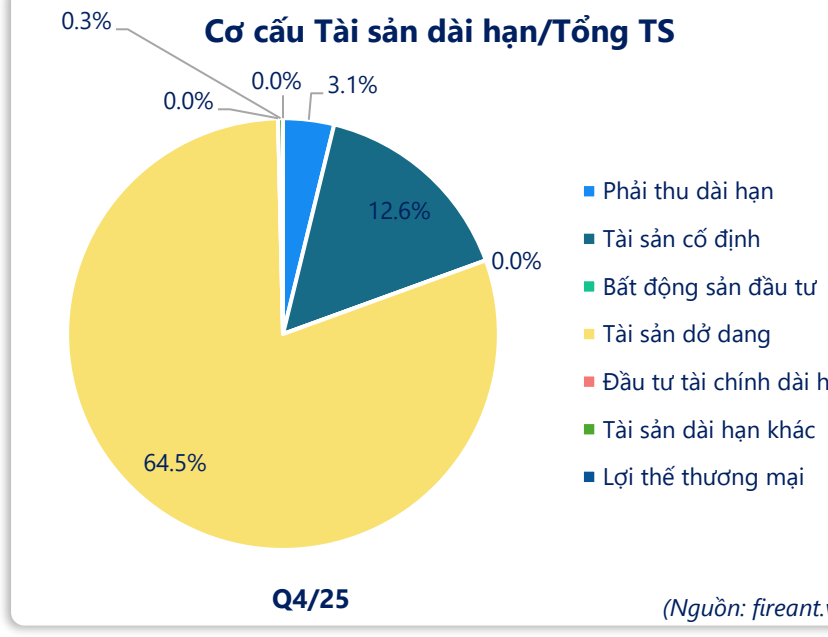
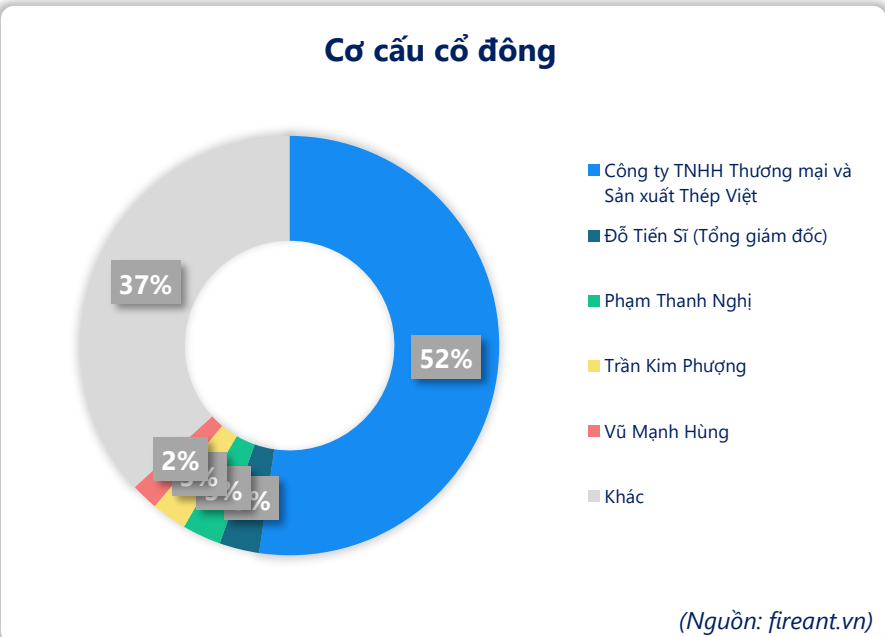
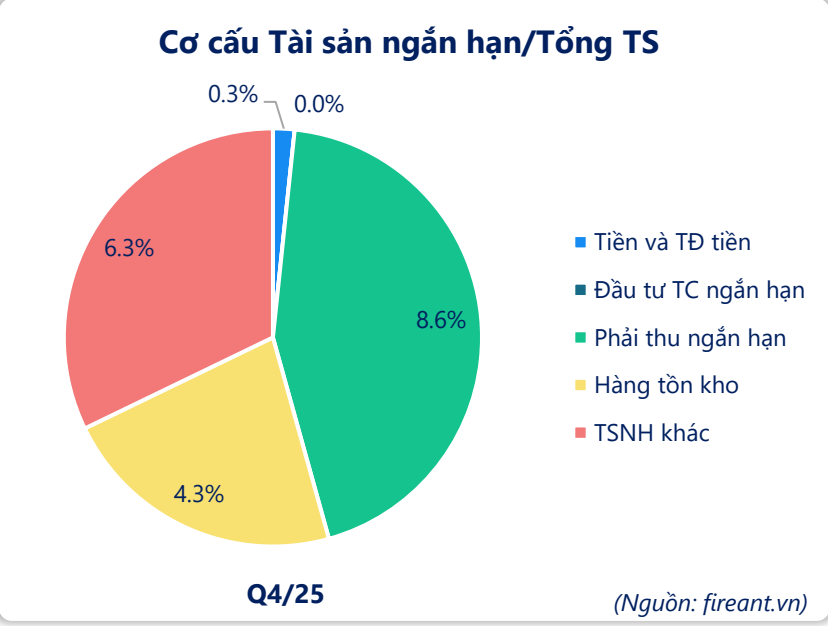
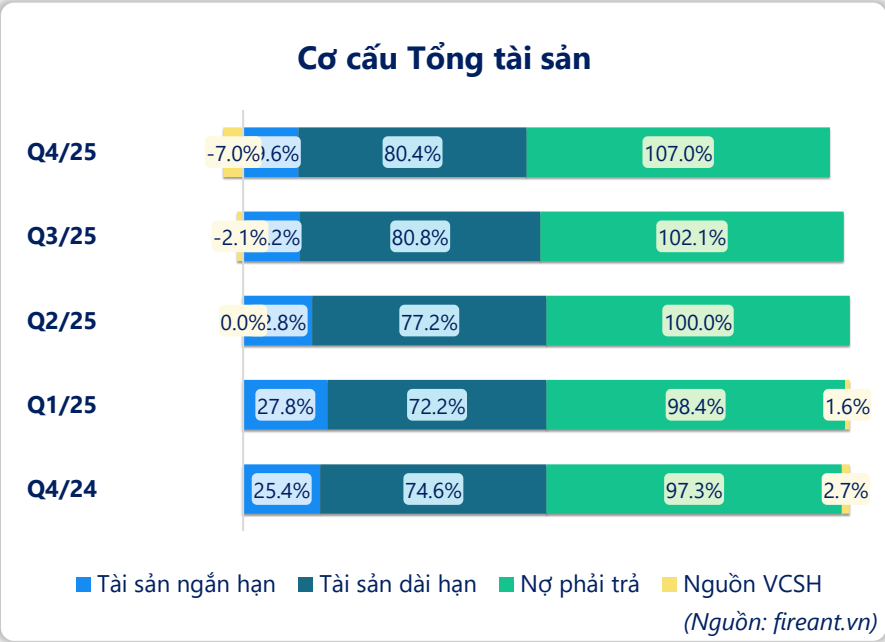
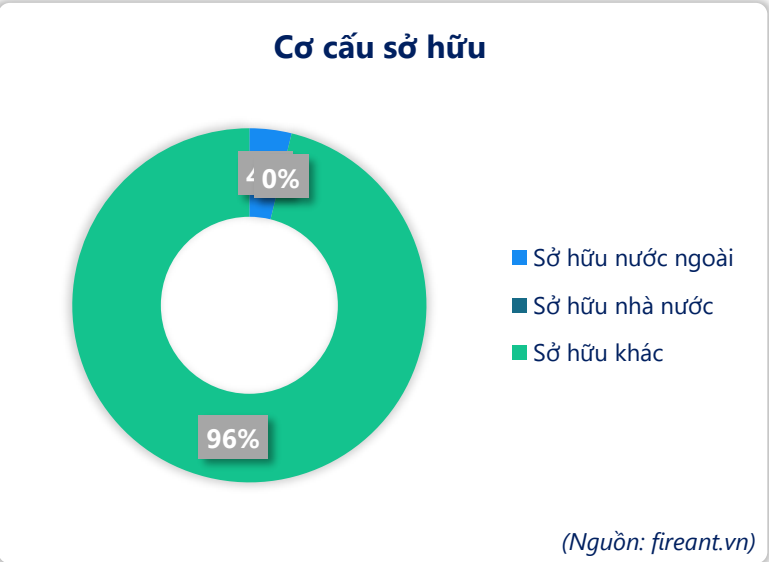
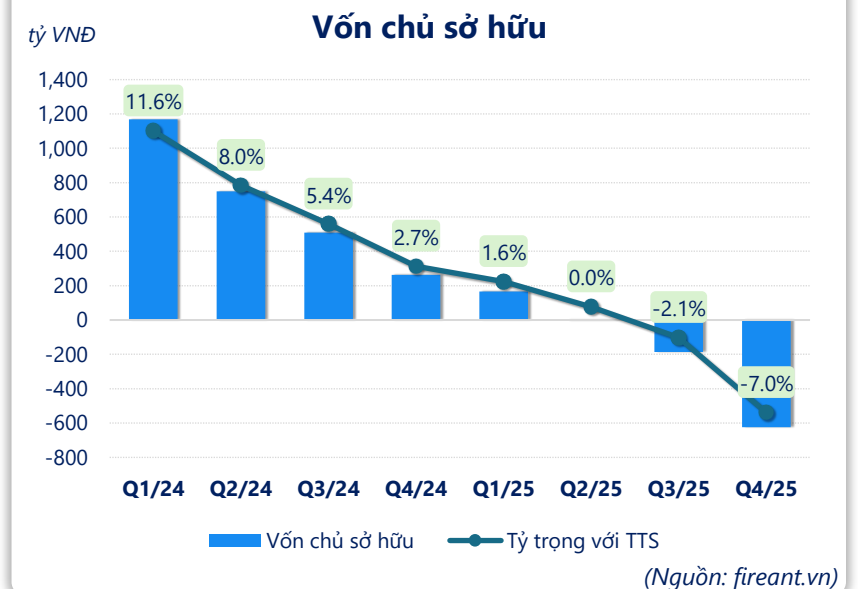
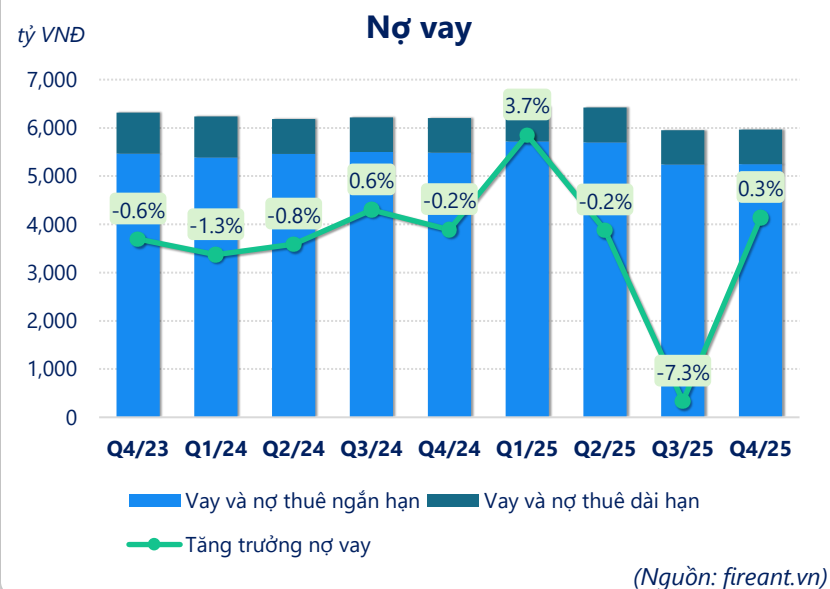
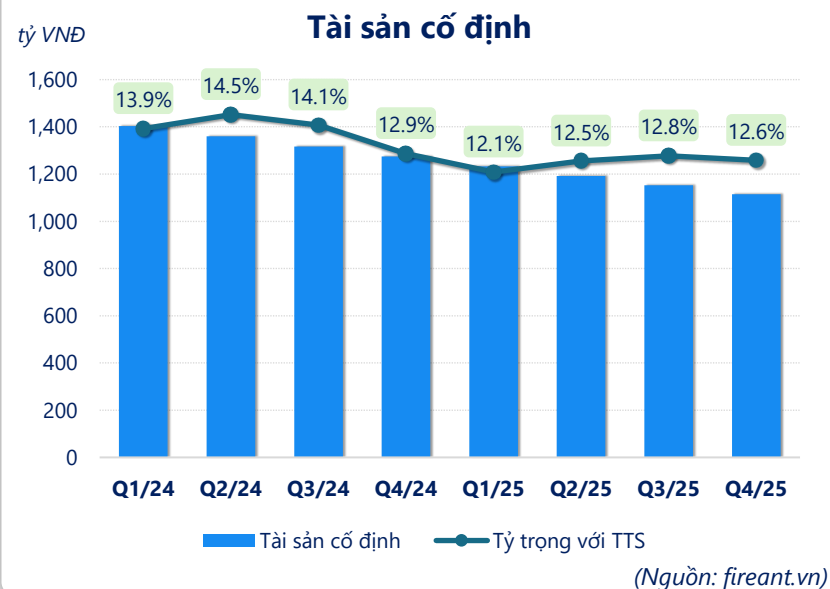
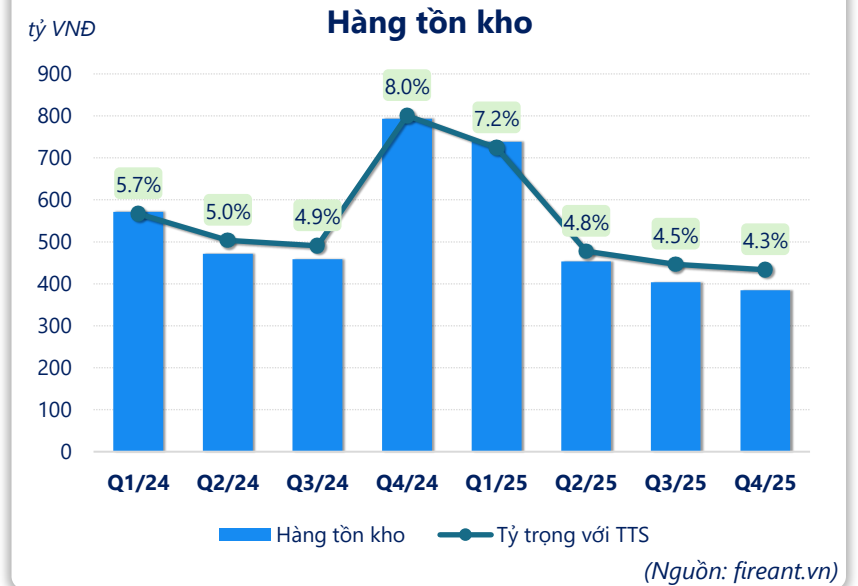
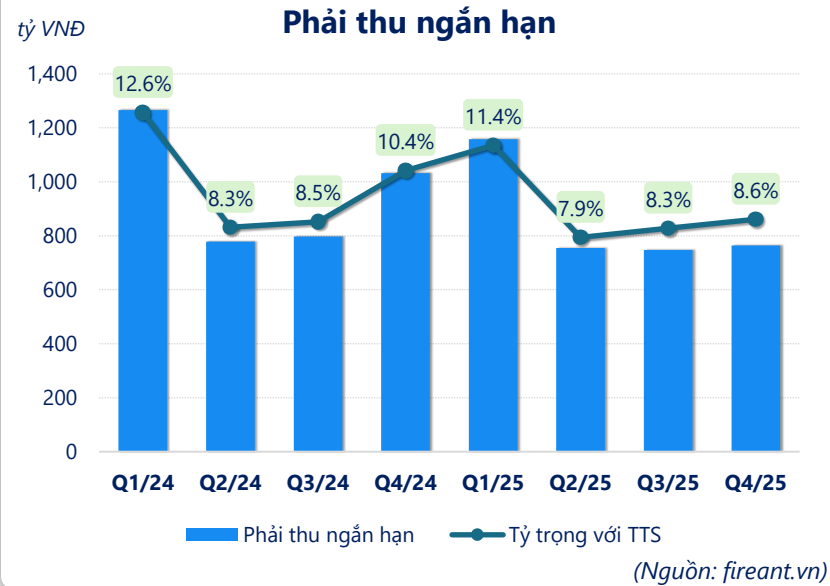
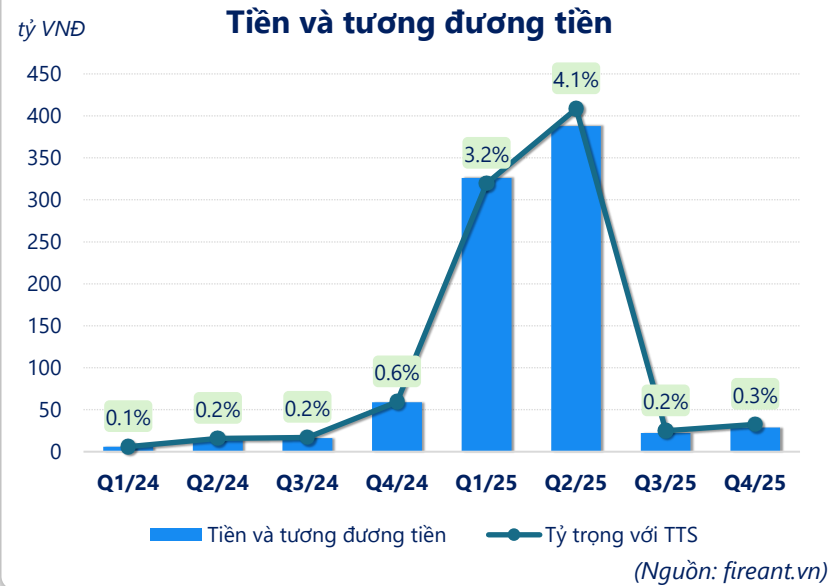
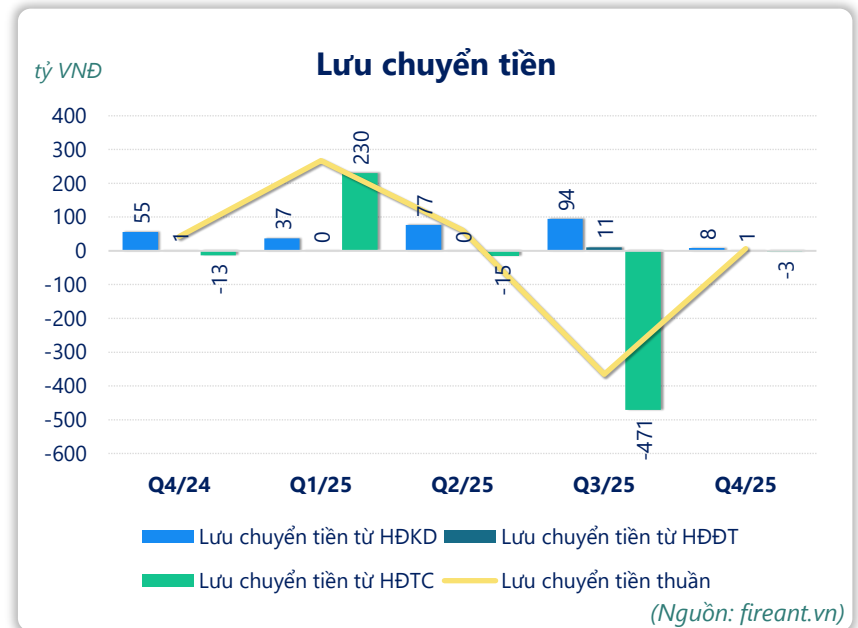
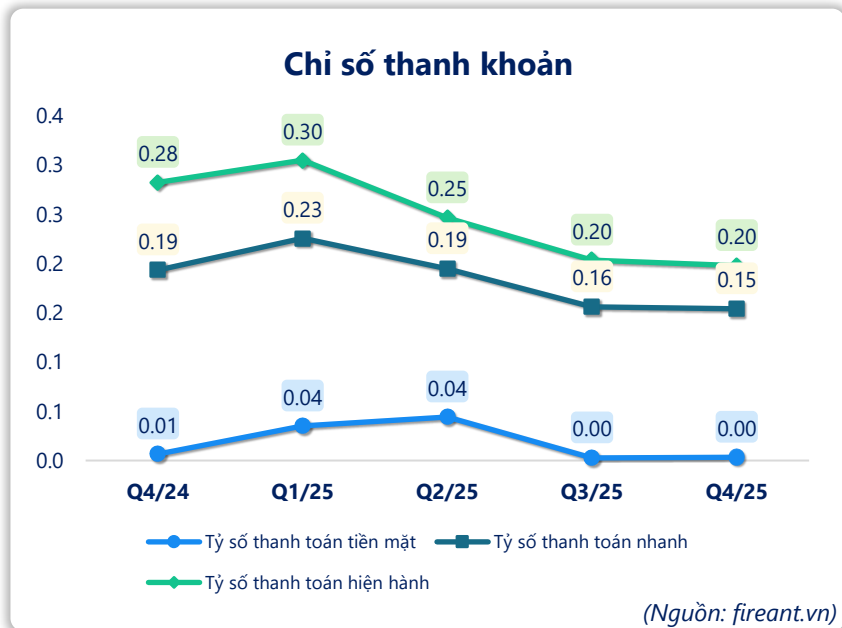
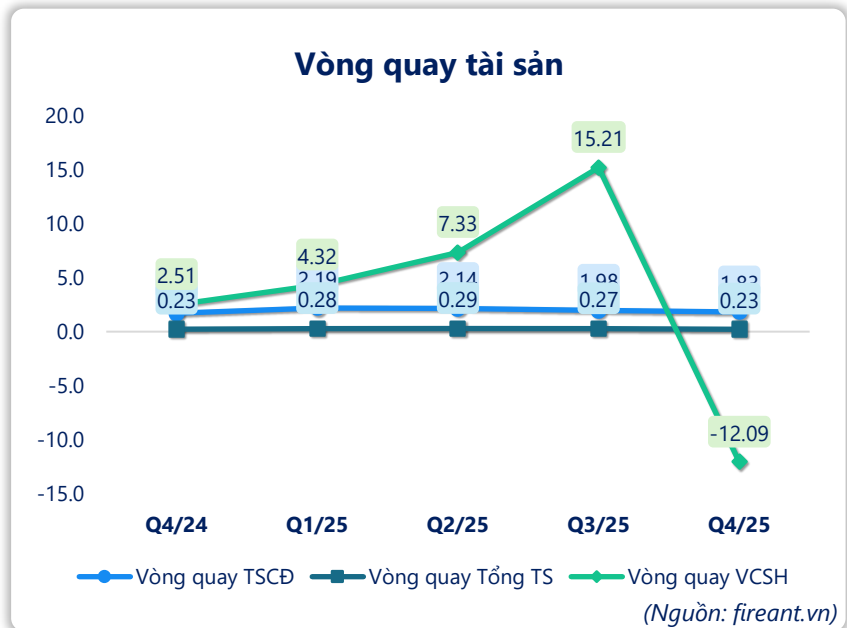
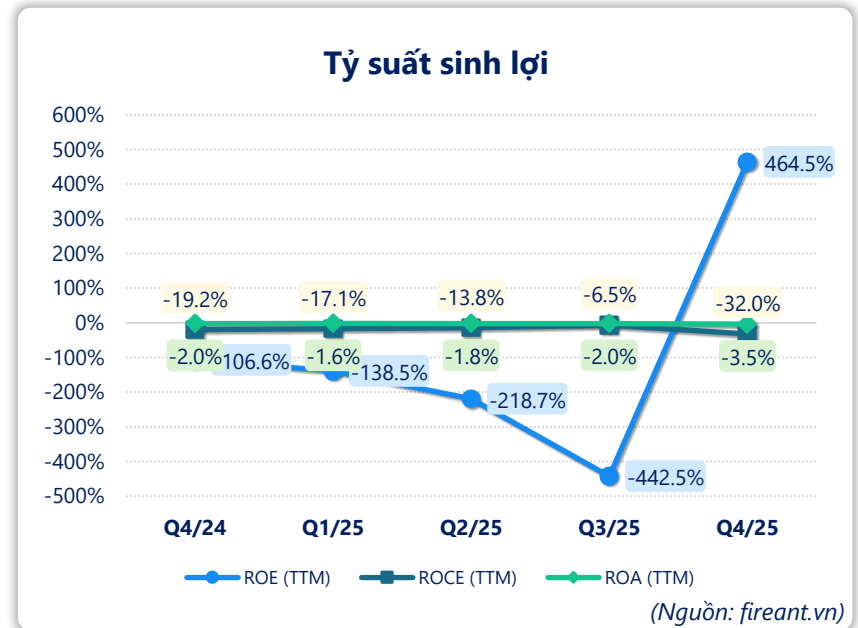
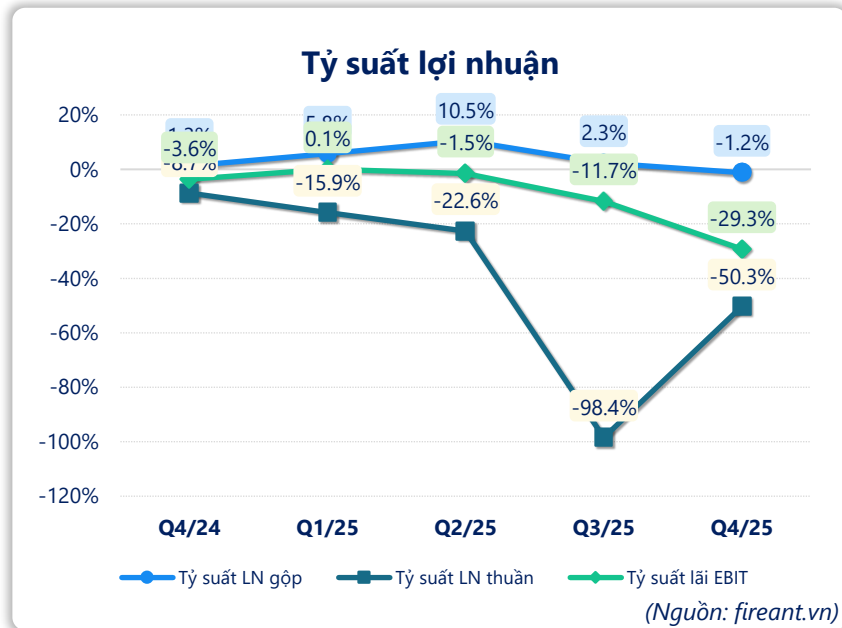
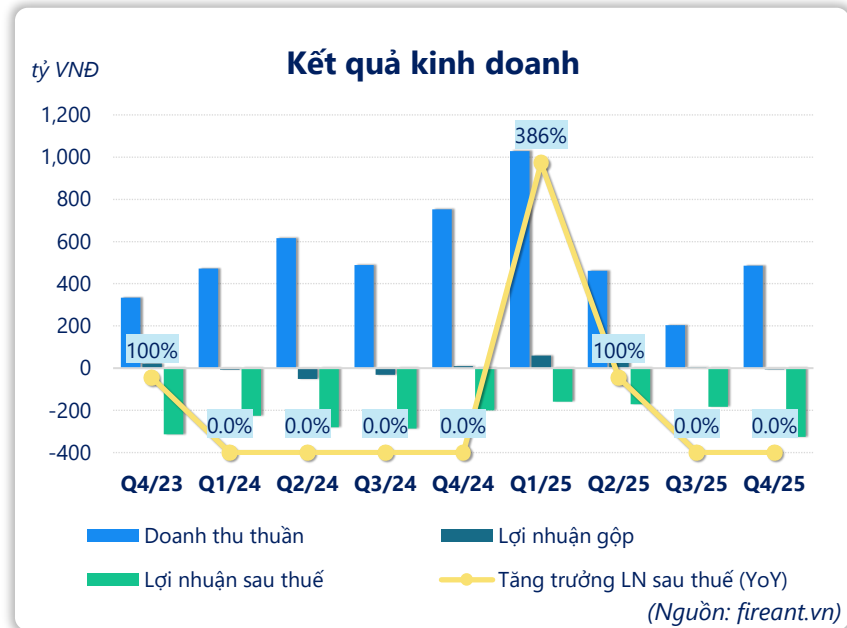


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		278,543,546
KLGD BQ 20 phiên (CP)		746,430
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,476
P/E		-1.8
EPS		-3,007

	YTD	1T	3T	6T
POM	140.9%	60.6%	194.4%	253.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,864	9,904	-10.5%
Tài sản ngắn hạn	1,735	2,519	-31.1%
Tiền và tương đương tiền	28.9	58.8	-50.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	764	1,032	-26.0%
Hàng tồn kho	384	793	-51.5%
Tài sản ngắn hạn khác	558	635	-12.1%
Tài sản dài hạn	7,129	7,385	-3.5%
Phải thu dài hạn	272	272	0.0%
Tài sản cố định	1,115	1,274	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,716	5,723	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	10.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	25.9	106	-75.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,487	9,641	-1.6%
Nợ ngắn hạn	8,768	8,922	-1.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,247	5,486	-4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,608	2,331	-31.0%
Nợ dài hạn	719	719	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	719	719	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-624	263	-337%
Vốn chủ sở hữu	-624	263	-337%
Vốn điều lệ	2,797	2,797	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	752	1,029	462	203	486
Giá vốn hàng bán	742	969	413	198	492
Lợi nhuận gộp	9.64	59.8	48.7	4.69	-5.90
Doanh thu HĐTC	-6.88	0.09	0.41	0.73	-8.08
Chi phí TC	147	176	165	159	233
Chi phí lãi vay	172	159	163	159	183
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.15	0.38	0.46	0.32	2.25
Chi phí QLDN	-78.5	47.1	-12.2	45.5	-4.35
LN thuần từ HĐKD	-65.4	-163	-104	-200	-245
Lợi nhuận khác	-135	5.20	-65.8	17.0	-81.1
LN trước thuế	-200	-158	-170	-183	-326
Lợi nhuận sau thuế	-200	-159	-170	-183	-326
LNST của CĐ cty mẹ	-200	-159	-170	-182	-325

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.5	37.3	76.7	94.4	8.33
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.71	0.06	0.19	10.7	0.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.5	230	-15.0	-471	-2.76
Tiền đầu kỳ	16.0	58.8	326	388	22.4
Lưu chuyển tiền thuần	42.7	267	61.9	-366	6.47
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	0	0	0	0.04
Tiền cuối kỳ	58.8	326	388	22.4	28.9

(Nguồn: fireant.vn)